



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 526a/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã Nậm Nèn)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	104,908	TỔNG SỐ CHI	104,908
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	5,534	I. Chi cân đối ngân sách	104,822
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		1. Chi đầu tư phát triển	
III. Thu bổ sung	99,374	2. Chi thường Xuyên trong đó	102,725
- Bổ sung cân đối	99,288	2.1. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	66,579
- Bổ sung có mục tiêu	86	2.2. Chi khoa học và công nghệ	958
IV. Thu chuyển nguồn	0	2.3. Chi quốc phòng	1,527
		2.4. Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	780
		2.5. Chi văn hóa thông tin	714
		2.6. Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
		2.7. Chi thể dục thể thao	50
		2.8. Chi bảo vệ môi trường	593
		2.9. Chi các hoạt động kinh tế	2,304
		2.10. Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	17,052
		2.11. Chi bảo đảm xã hội	7,611
		2.12. Chi thường xuyên khác	4,557
		3. Dự phòng ngân sách	2,097
		II. Chương trình mục tiêu (Kinh phí sự nghiệp)	86
		Chính sách ưu đãi với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn	86



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Kèm theo Quyết định số 526a/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã Nậm Nèn)

Đơn vị: Triệu đồng

S TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	105,674	104,908
I	Thu ngân sách trên địa bàn	6,300	5,534
I.1	Các khoản thu hưởng 100%	5,180	5,180
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	0	0
	Thuế thu nhập doanh nghiệp		0
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4,780	4,780
	Thuế giá trị gia tăng		
	Thuế thu nhập doanh nghiệp		0
	Thuế tài nguyên	4,780	4,780
3	Thuế thu nhập cá nhân		0
4	Lệ phí trước bạ	400	400
5	Phí, lệ phí		
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
7	Thu khác ngân sách		
I.2	Các khoản thu phân chia (tỉ lệ %)	1,120	354
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	0	0
	Thuế giá trị gia tăng		
2	Thuế thu nhập cá nhân		
3	Lệ phí trước bạ		

S TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
4	Phí, lệ phí	20	16
	- TW hưởng	4	
	- Địa phương	16	16
	<i>Trong đó: + phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản</i>		
5	Thu tiền sử dụng đất	0	0
	- TW hưởng (15%)		
	- Địa phương hưởng (85%)		0
	++ <i>Tỉnh hưởng (20%)</i>		
	++ <i>Xã hưởng (80%)</i>		0
6	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1,000	300
	- Cơ quan trung ương cấp phép	1,000	300
	<i>Trong đó: + Trung ương hưởng 70%</i>	700	
	+ <i>Địa phương hưởng 30%</i>	300	300
	- Cơ quan Địa phương cấp phép		0
7	Thu khác ngân sách	100	38
	- TW hưởng, Tỉnh hưởng	62	
	- Xã hưởng	38	38
III	Thu chuyển nguồn	0	0
	<i>Vốn chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang năm 2025 khi sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp</i>		0
	<i>Vốn chuyển nguồn Chương trình MTQG khi sắp xếp chính quyền 02 cấp</i>		0
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước		
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	99,374	99,374
	- Thu bổ sung cân đối	99,288	99,288

S TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	- Thu bổ sung có mục tiêu	86	86



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 526a/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã Nậm Nèn)

Đơn vị: Triệu đồng

S TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	104,908	0	104,908
	<i>Trong đó</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	66,579		66,579
2	Chi khoa học và công nghệ	958		958
3	Chi quốc phòng	1,527		1,527
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	780		780
5	Chi văn hóa thông tin	714		714
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	0		0
7	Chi thể dục thể thao	50		50
8	Chi bảo vệ môi trường	593		593
9	Chi các hoạt động kinh tế	2,304		2,304
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	17,052		17,052
11	Chi bảo đảm xã hội	7,611		7,611
12	Chi thường xuyên khác	4,557		4,557
13	Dự phòng ngân sách	2,097		2,097
14	Chi các chương trình MTDA	86		86